

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08-12-2017
Về vụ án “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị TTrúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đắc Liệt

2. Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 793/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hoài T – sinh năm 1974; địa chỉ số 67 đường T, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Từ Đức Th – sinh năm 1971; địa chỉ số đường T, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01 tháng 6 năm 2017 cùng các lời khai tiếp theo chị Trần Thị Hoài T trình bày: Chị Trần Thị Hoài T và anh Từ Đức Th tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống tự lập tại nhà số 67 Lê đường T, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và có 02 con chung là Từ Anh Q, sinh ngày 18-11-1996 và Từ Thị T1, sinh ngày 22-12-2005. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không hòa hợp về tính tình và sinh hoạt trong gia đình. Anh Th thường xuyên đi nhậu mỗi lần đi nhậu về có lời nói xúc

phạm đối với chị Thanh. Mâu thuẫn xảy ra trầm trọng vào khoảng tháng 8-2016, hai bên có những hành động cư xử thiếu tôn trọng và xúc phạm nhau. Tuy sống cùng một nhà nhưng không có sự quan tâm và chăm sóc nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị Txác nhận không còn yêu thương anh Th, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung như chị Tđã kê khai nêu trên, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi. Chị Tyêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Từ Thị TTâm, không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, chị Tđồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng tại Tòa, anh Từ Đức Th xác nhận: anh và chị Trần Thị Hoài T tự nguyện sống chung từ năm 1996, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An hay làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh thì anh không nhớ, vì anh đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tự lập và sinh sống tại nhà 67 đường T, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và có 02 con chung là Từ Anh Q, sinh ngày 18-11-1996 và Từ Thị T1, sinh ngày 22-12-2005. Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không hòa hợp về tính tình. Đến tháng 8 năm 2016 do chị Tgặp lại người yêu cũ, anh Th cho rằng chị Tcó quan hệ bất chính với người đó nên có hành động cư xử thiếu tôn trọng với chị Thanh, nhưng nay anh nhận thấy tình cảm đối với chị T vẫn còn nên anh Th không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con Từ Thị T1 cho chị T nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- + Về tố tụng: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ và hòa giải Thẩm phán và các đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự tuân theo quy định của pháp luật

- + Về nội dung: đề nghị HĐXX tuyên xử không công nhận chị Trần Thị Hoài T và anh Từ Đức Th là vợ chồng; giao con chung Từ Thị T1 cho chị T tiếp tục nuôi, anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đối với con chung Từ Anh Q đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Hoài T yêu cầu ly hôn anh Từ Đức Th nên quan hệ tranh chấp là ly hôn, anh Th hiện cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2] Về nội dung: xét về quan hệ hôn nhân, theo xác nhận của nguyên đơn, chị Trần Thị Hoài T và anh Từ Đức Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn; Theo anh Th hai bên chung sống với nhau từ năm 1996, có làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng do giấy kết hôn đã bị thất lạc. Tại công văn số 40/UBND ngày 30-10-2017 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An thì: Hồ sơ lưu trữ hộ tịch năm 1996 là không còn vì đặc trưng vùng lũ lụt, cán bộ tư pháp năm đó bán chuyên trách nên không trả lời được vào năm 1996 UBND xã N có cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho vợ chồng Trần Thị Hoài T và Từ Đức Th; Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận ngày 13-10-2017 với nội dung như sau: hồ sơ lưu trữ đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại UBND xã L đã bị thất lạc. Trên cơ sở chứng cứ nêu trên và căn cứ quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình xác nhận hôn nhân giữa chị Trần Thị Hoài T và anh Từ Đức Th là hôn nhân không hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau, giữa chị Tvà anh Th có xảy ra mâu thuẫn theo xác nhận của hai bên tại biên bản làm việc ngày 09-10-2017. Cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng nảy sinh là có thật, do họ không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Tvà anh Th xác nhận có 02 con chung Từ Anh Q, sinh ngày 18-11-1996 đã trưởng thành nên không giao quyền nuôi dưỡng. Con chung Từ Thị T1, sinh ngày 22-12-2005, chị Tyêu cầu được nuôi con, anh Th cấp dưỡng nuôi con chung TTâm mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận của chị Tvà anh Th đúng tinh thần quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tvà anh Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Tphải nộp 300.000 đồng.

[6] Án phí về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9, 14, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận chị Trần Thị Hoài T và anh Từ Đức Th là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung Từ Anh Q, sinh ngày 18-11-1996 đã trưởng thành nên không giao quyền nuôi dưỡng. Con chung Từ Thị T1, sinh ngày 22-12-2005, chị Tđược quyền trực tiếp nuôi con, anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Th có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tvà anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Hoài T nộp: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007195 ngày 07-8-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Chị T đã nộp xong án phí.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con: Anh Từ Đức Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị TTrúc